TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/KDTM-ST
Ngày: 08/01/2021
V/v "T/c Hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN-TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Thị Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hữu Tấn

2. Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Đặng Thành Thái – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

***- Đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa*:** Ông Lê Hoàng Nhựt – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2021 tại Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 40/2020/TLST–KDTM ngày 01 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp "Hợp đồng tìn dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 408/2020/QĐXXST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 312/2020/QĐST-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công Ty V

Địa chỉ trụ sở: 22 Hàng Vôi, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Nguyễn Tiến Đ

Ông Nguyễn Tiến Đ ủy quyền cho ông Đặng Đình T, chức vụ Phó Tổng giám đốc Công ty V (theo quyết định số 37/QĐ-CT ngày 11/11/2017 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty V)

Bên được ủy quyền: Ngân hàng S (theo hợp đồng ủy quyền số 1031/2020/UQ.VAMC-SGB ngày 26/06/2020 của Công ty V) do ông Nguyễn Ngọc L, chức vụ: Phó Tổng giám đốc đại diện ký (theo giấy ủy quyền số 834/GUQ-SGB ngày 31/12/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng S: ông Vũ Quang L

Ông Vũ Quang L ủy quyền cho:

+ Ông Nguyễn Ngọc N – Giám Đốc Ngân hàng S – chi nhánh An Giang (theo giấy ủy quyền số 31/2020/GUQ-SGB ngày 04/05/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng Thương mại cổ phần S).

+ Ông Phạm Thái S, sinh năm 1981 –Trưởng Phòng kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần S – chi nhánh An Giang.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1968.

Bà Lê Thị N, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: Số 2C, Đường Đ, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Vũ Quang L.

Ông Vũ Quang L ủy quyền cho:

+ Bà Nguyễn Kim H – Chức vụ : Phó Giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh An Giang (Theo giấy ủy quyền số 316/GUQ-SGB ngày 04/8/2020).

+ Ông Lê Hoàng T - Phó Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng Thương mại cổ phần S – chi nhánh An Giang.

2. Bà Nguyễn Thị Bé P, sinh năm 1973;

Địa chỉ: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh An Giang.

(ông Phạm Thái S; ông Lê Hoàng T có đơn xin xét xử vắng mặt, ông Nguyễn Văn C; bà Lê Thị N và bà Nguyễn Thị Bé P vắng mặt lần thứ hai)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện cùng lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty V, do ông Phạm Thái S đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N đã ký hợp đồng tín dụng số 164/2019/HĐTDTL-CN ngày 20/05/2019 với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang và đã nhận đầy đủ số tiền vay tại Giấy nhận nợ số 164/01-2019 ngày 21/05/2019, cụ thể như sau:

- Số tiền vay : 2.800.000.000 đồng;
- Dư nợ hiện tại: 2.800.000.000 đồng (bằng chữ: Hai tỷ, tám trăm triệu đồng);
- Mục đích vay: Sản xuất mua bán gạch;

- Thời hạn vay: 12 tháng;
- Lãi suất trong hạn: 10,5 %/năm;
- Lãi phạt chậm trả 10%/năm.
- Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm nghĩa vụ trả nợ bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 164/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N với Ngân hàng Thương S, tài sản gồm có:

+ Khu đất có tổng diện tích 4.230,0 m^2 (thửa số 4241, 4852; TBĐ số 3) tại Ấp Mỹ Phước, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 300217 (số vào sổ cấp GCN: CH 06264) do UBND Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang cấp ngày 24/11/2014 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N.

+ Khu đất có tổng diện tích 170,0 m^2 (thửa số 56; TBĐ số 49) tại Ấp Mỹ Phước, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 359833 (số vào sổ cấp GCN: CH 03591) do UBND Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang cấp ngày 24/02/2017 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N.

+ Khu đất có tổng diện tích 33,6 m^2 (thửa số 57; TBĐ số 49) tại Ấp Mỹ Phước, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 359834 (số vào sổ cấp GCN: CH 03592) do UBND Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang cấp ngày 24/02/2017 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N.

+ Khu đất có tổng diện tích 616,6 m^2 (thửa số 16; TBĐ số 49) tại Ấp Mỹ Phước, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CE 359669 (số vào sổ cấp GCN: CH 03589) do UBND Huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 28/12/2016 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N.

+ Khu đất có tổng diện tích 943,90 m^2 (thửa số 13; TBĐ số 49) tại Ấp Mỹ Phước, Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số X 858993 (vào sổ cấp GCNQSDĐ số: 06913QSDĐ/qB) do UBND Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang cấp ngày 31/10/2003 cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N.

- Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm nghĩa vụ trả nợ bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019, được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Bé P với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang, tài sản gồm có :

+ Khu đất trồng lúa có diện tích 3960,0 m^2 (thửa đất số: 7011; TBĐS: 3) tại Xã Mỹ Hội Đông, Huyện Chợ Mới, An Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AP 168218

(số vào sổ cấp GCNQSDĐ : H.00120qB) do UBND Huyện Chợ Mới, Tỉnh An Giang cấp ngày 04/03/2009 cho bà Nguyễn Thị Bé P.

Ông C, bà N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ ngân hàng theo qui định, tính đến hết ngày 08/01/2021, cụ thể như sau:

- Nợ gốc: 2.800.000.000 đồng
- Nợ lãi: 480.456.099 đồng

Tổng cộng: 3.280.456.099 đồng

Theo thỏa thuận đã ký kết khi nhận nợ, kỳ hạn trả nợ lãi của ông C, bà N vào ngày 05 hàng tháng. Nhưng liên tục từ tháng 11/2019 đến nay, ông C, bà N đã không trả được nợ lãi phát sinh cho Ngân hàng. Hiện tại khoản vay này đang bị quá hạn và Ngân hàng đã chuyển nợ xấu, cần xử lý.

Theo yêu cầu của ông C, bà N Ngân hàng đã cho thêm thời gian để ông, bà thu tiền từ kinh doanh trả nợ cho Ngân hàng, nhưng kể từ ngày 15/11/2019 cho đến nay ông C, bà N vẫn không thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để ông C, bà N có thời gian trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được việc trả nợ vay gây ra nợ xấu cho Ngân hàng. Hiện tại Ngân hàng đã bán khoản nợ trên cho Công ty V theo hợp đồng mua, bán nợ số 1030/2020/MBN.VAMC-SGB ngày 26/06/2020 được ký kết giữa Công ty V với Ngân hàng Thương mại cổ phần S và đã thông báo cho ông C, bà N biết theo đúng qui định.

Nay Công ty V yêu cầu:

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N chịu trách nhiệm trả cho Công ty V do Ngân hàng Ngân hàng Thương mại cổ phần S – chi nhánh An Giang đại diện nhận số tiền:

- Nợ gốc : 2.800.000.000 đồng
- Nợ lãi : 480.456.099 đồng

Tổng cộng : 3.280.456.099, (số tiền trên tạm tính đến hết ngày 08/01/2021)

- Tiếp tục trả nợ lãi phát sinh từ ngày 09/01/2021 đến khi trả hết nợ theo lãi suất nợ quá hạn qui định trong Hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và các giấy tờ có liên quan khác.

- Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp tài sản quyền sử đất số 164/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 và 165/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 để bảo đảm thi hành án.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn C, bà Lê Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Bé P vắng mặt suốt trong quá trình tố tụng và lần thứ hai tại phiên tòa, không gửi văn bản trình bày ý kiến cũng như cung cấp chứng cứ chứng minh đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S do ông Lê Hoàng T đại diện trình bày: Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông S đại diện theo ủy quyền của Công ty V và ông T đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Thương mại cổ phần S có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt vào ngày 16/12/2020, lý do bận công việc không thể tham gia phiên tòa. Ông C, bà N và bà P vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu:

* **Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa:**

Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*** Việc chấp hành pháp luật của Thư ký:**

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thư ký đã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình đúng quy định tại Điều 51 Bộ luật tố tụng dân sự.

*** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:**

- Nguyên đơn, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*** Ý kiến về việc giải quyết vụ án:**

Áp dụng: Điều 317, 318, 320; 463, 466, 470 BLDS năm 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho Công Ty S số tiền 3.280.456.099 đồng (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu bốn trăm năm mươi

sáu nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Trong đó vốn gốc là 2.800.000.000 đồng, lãi tạm tính đến hết ngày 08/01/2021 là 480.456.099đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Toà, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền: Công ty V với bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn C là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Tranh chấp giữa tổ chức và cá nhân có đăng ký kinh doanh và nhằm mục đích lợi nhuận là tranh chấp kinh doanh thương mại theo quy định tại Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[1.1] Ngân hàng Thương mại cổ phần S ký hợp đồng mua bán nợ số 1030/2020/MBN.VAMC-SGB ngày 26/06/2020 cho Công ty V. Ngày 26/6/2020 công ty V ký hợp đồng ủy quyền số 1031/2020/QU.VAMC-SGB ủy quyền cho Ngân hàng SAIGONBANK khởi kiện thu hồi nợ. Việc mua bán nợ và ủy quyền phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận, Ngân hàng S tham gia tố tụng với tư cách là nguyên đơn và được thực hiện các quyền, nghĩa vụ tố tụng dân sự theo nội dung văn bản ủy quyền.

[1.2] Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan quan là bà Nguyễn Thị Bé P vắng mặt không lý do, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ngày 20/5/2019, Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang có ký hợp đồng tín dụng số 164/2019/HĐTDTL-CN cho ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N vay số tiền 2.800.000.000 đồng; mục đích vay: sản xuất mua bán gạch; thời hạn vay: 12 tháng; lãi suất trong hạn: 10,5 %/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi phạt chậm trả 10%/năm.

[2.2] Hợp đồng tín dụng trên được bảo đảm nghĩa vụ trả nợ bởi Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 164/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019, được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Bé P với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang.

[2.3] Ngày 21/05/2019, ông C, bà N đã nhận đầy đủ số tiền vay thể hiện tại Giấy nhận nợ số 164/01-2019. Tính đến ngày 22/10/2019, ông C, bà N đã thanh toán số tiền lãi trong hạn, lãi phạt chậm trả là 111.987.813 đồng. Sau đó, ông C, bà N không thực hiện đúng nghĩa vụ, Ngân hàng đã nhiều lần làm việc, tạo mọi điều kiện thuận lợi để ông C, bà N có thời gian trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện được việc trả nợ vay. Do ông C, bà N vi phạm nghĩa vụ thanh toán khoản nợ vay nên Công ty V khởi kiện yêu cầu ông C, bà N phải thanh toán vốn và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp để đảm bảo thi hành án.

[2.4] Qua xem xét yêu cầu của nguyên đơn: Hội đồng xét xử nhận thấy hợp đồng tín dụng số 164/2019/HĐTDTL-CN ngày 20/5/2020 giữa Ngân hàng S với ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N được ký kết trên cơ sở tự nguyện và phù hợp với Điều 17 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng do Ngân hàng nhà nước ban hành và Luật tổ chức tín dụng năm 2010 cho nên hợp đồng tín dụng trên có giá trị pháp lý. Việc bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn, lãi theo hợp đồng là vi phạm thỏa thuận đã giao kết tại Điều 9 của Hợp đồng tín dụng số 164/2019/HĐTDTL-CN nên ông, bà là người có lỗi và phải chịu hậu quả theo giao kết trong hợp đồng giữa hai bên, hơn nữa trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án phía bị đơn và người liên quan là bà Bé P đã được niêm yết các thông báo của Tòa án nhưng không thể hiện ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp cũng như chứng cứ do Tòa án thu thập. Mặt khác bà N, ông C, bà P cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ hoặc có yêu cầu phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy đương sự đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ được quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Từ những phân tích và nhận định nêu trên, việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vốn là 2.800.000.000đồng còn nợ là có cơ sở và phù hợp với qui định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.5] Đối với yêu cầu tính lãi của Công ty V: Việc ông C, bà N không thực hiện nghĩa vụ thanh toán vốn lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký là gây ảnh hưởng đến nguyên đơn nên nguyên đơn căn cứ vào Điều 3 của Hợp đồng tín dụng để yêu cầu tính lãi là có cơ sở phù hợp khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận. Tiền lãi tạm tính đến hết ngày 08/01/2021 là 480.456.099đ.

[2.6] Như vậy, tổng cộng số tiền vốn và lãi mà ông C, bà N phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty V (do Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang đại diện nhận) tạm tính đến ngày 08/01/2021 là: 3.280.456.099 đồng và tiền lãi phát sinh theo lãi suất nợ quá hạn từ ngày 09/01/2021 cho đến khi ông C, bà N thanh toán hết nợ cho Công ty V.

[3] Đối với Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 164/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019, được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Bé P với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang, Hợp đồng này được hai bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận. Do đó Công ty V yêu cầu tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 164/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 và 165/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 để đảm bảo thi hành án là có căn cứ.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty V được chấp nhận nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định pháp luật.

[5] Về chi phí tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 40, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 157, Điều 186, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Điều 317, Điều 318, Điều 320, Điều 463, Điều 466; 470 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên Công Ty V đối với bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N có trách nhiệm trả cho Công ty V số tiền 3.280.456.099 đồng (ba tỷ hai trăm tám mươi triệu bốn trăm năm mươi sáu nghìn không trăm chín mươi chín đồng). Trong đó vốn gốc là 2.800.000.000

đồng, lãi tạm tính đến hết ngày 08/01/2021 là 480.456.099đ. Do Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang đại diện nhận.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (09/01/2021), khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nơ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[2] Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp số 164/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019 được ký kết giữa ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 165/HĐTCQSDĐ-2019 ngày 20/05/2019, được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Bé P với Ngân hàng Thương mại cổ phần S - Chi nhánh An Giang để đảm bảo thi hành án.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị N phải chịu 97.609.122 đồng (chín mươi bảy triệu sáu trăm lẻ chín nghìn một trăm hai mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Công ty V (do Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền 47.170.000 đồng (Bốn mươi bảy triệu một trăm bảy chục nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005519 ngày 01/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

[4] Về chi phí tố tụng:

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn C phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Bà Lê Thị N và ông Nguyễn Văn C hoàn trả lại cho Công ty V (do Ngân hàng Thương mại cổ phần S – Chi nhánh An Giang đại diện nhận) số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

[5] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự
- THA TPLX;
- VKS TPLX
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đức Anh